BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 178/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự trung ương;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân; cơ cấu, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và chế độ, chính sách của Hội thẩm quân nhân; thủ tục cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân và Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân; trách nhiệm của Tòa án quân sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm đối với Hội thẩm quân nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Hội thẩm quân nhân, Đoàn Hội thẩm quân nhân và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân.

Chương II
CƠ CẤU, TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 3. Cơ cấu của Hội thẩm quân nhân

Căn cứ số lượng Hội thẩm quân nhân được cấp có thẩm quyền quy định và số lượng đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn xét xử, Tòa án quân sự xác định số lượng Hội thẩm quân nhân ở từng đơn vị, bảo đảm cơ cấu Hội thẩm quân nhân ở mỗi Tòa án quân sự có đại diện các ngành quân sự, chính trị, hậu cần - kỹ thuật; quân khu, cơ quan quân sự địa phương, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn, binh chủng, bộ tư lệnh, học viện, nhà trường một cách hợp lý.

Điều 4. Tiêu chuẩn của Hội thẩm quân nhân

1. Người được cử làm Hội thẩm quân nhân phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Các tiêu chuẩn quy định tại Điều 122 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

b) Là quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng đang phục vụ trong Quân đội và còn thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên;

c) Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, các quy định của Quân đội; có lối sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt cộng đồng;

d) Kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, hành vi có hại đến Đảng Cộng sản Việt Nam, đến Tổ quốc, đến Nhân dân và Quân đội;

đ) Tôn trọng, tận tụy phục vụ, liên hệ chặt chẽ với quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng và Nhân dân; lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng và Nhân dân; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền;

e) Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, bảo vệ công lý; có nhận thức tốt về chính trị, quân sự, quốc phòng; được quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng tín nhiệm.

2. Những người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, có quân hàm từ Thượng úy hoặc có mức lương tương đương trở lên thì có thể được cử làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực; có quân hàm từ Đại úy hoặc có mức lương tương đương trở lên thì có thể được cử làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự quân khu và tương đương (sau đây gọi là Tòa án quân sự cấp quân khu).

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm quân nhân

Hội thẩm quân nhân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 125 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

2. Có quyền phản ánh với Chánh án Tòa án quân sự đang quản lý Hội thẩm quân nhân, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa về các vấn đề có liên quan đến

việc giải quyết, xét xử vụ án; liên hệ với các cơ quan, đơn vị và các quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng để thực hiện quyền hạn của Hội thẩm quân nhân.

3. Trong thời gian làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án Tòa án quân sự, Hội thẩm quân nhân có quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị nơi đang công tác không điều động, phân công nhiệm vụ khác, trừ trường hợp đặc biệt.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội thẩm quân nhân

Hội thẩm quân nhân có các trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 126 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Điều 14 Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15.

2. Bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, quốc phòng, an ninh, kỷ luật Quân đội; bảo vệ tài sản, lợi ích của Nhà nước và Quân đội; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của Nhân dân, quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng.

3. Khi được giao nghiên cứu hồ sơ vụ án, tuyệt đối không được để xảy ra hư hỏng, mất mát; việc sao chép tài liệu trong hồ sơ phải được sự đồng ý của Chánh án Tòa án quân sự hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và phải ghi vào sổ công tác theo đúng quy định bảo mật.

4. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ do Tòa án quân sự tổ chức.

5. Thực hiện đúng quy định về trang phục nghiệp vụ khi tham gia xét xử và sử dụng giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân theo đúng quy định.

6. Trong công tác và sinh hoạt hằng ngày, phải gương mẫu chấp hành pháp luật và thường xuyên nhắc nhở quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng trong đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, kỷ luật. Gắn bó mật thiết với quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng để nắm được trình độ nhận thức pháp luật trong đơn vị; kịp thời phản ánh cho thủ trưởng đơn vị và đề xuất hoặc kiến nghị những vấn đề cần thiết về phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường kỷ luật Quân đội, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, kỷ luật ở đơn vị.

7. Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ của Hội thẩm quân nhân với Chánh án Tòa án quân sự khi có yêu cầu.

8. Hội thẩm quân nhân trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chế độ, chính sách của Hội thẩm quân nhân

Hội thẩm quân nhân có các chế độ chính sách sau đây:

1. Các chế độ, chính sách quy định tại Điều 130 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

2. Được cấp giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân để làm nhiệm vụ xét xử.

3. Hội thẩm quân nhân là Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân thì được hưởng phụ cấp hoạt động theo quy định tại Điều 22 Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15.

Chương III
THỦ TỤC CỬ, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 8. Thủ tục cử Hội thẩm quân nhân

1. Việc cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu, Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực tiến hành thống nhất theo nhiệm kỳ 05 năm. Trường hợp cần cử bổ sung Hội thẩm quân nhân thì thủ tục, hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều này và Điều 9 Thông tư này.

2. Trình tự cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu được tiến hành theo các bước:

a) Sáu tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ Hội thẩm quân nhân, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu căn cứ số lượng Hội thẩm quân nhân được cử, xác định cơ cấu cụ thể, trao đổi thống nhất với lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn lựa chọn và giới thiệu nhân sự để lấy phiếu tín nhiệm;

b) Các cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị lấy phiếu tín nhiệm đối với nhân sự được giới thiệu bằng hình thức bỏ phiếu kín với thành phần tham gia bỏ phiếu như sau:

Toàn thể quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng ở cấp đại đội và tương đương trong trường hợp người được giới thiệu làm Hội thẩm quân nhân công tác ở đơn vị cấp cơ sở;

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng ở cấp tiểu đoàn và tương đương trong trường hợp người được giới thiệu làm Hội thẩm quân nhân công tác ở đơn vị cấp tiểu đoàn và tương đương; ở cơ quan sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn và tương đương trong trường hợp người được giới thiệu làm Hội thẩm quân nhân công tác ở cơ quan sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn và tương đương; ở cơ quan cấp cục trong trường hợp người được giới thiệu làm Hội thẩm quân nhân công tác ở cơ quan tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn và cấp tương đương;

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng ở đội sản xuất, phân xưởng... đối với trường hợp người được giới thiệu làm Hội thẩm quân nhân công tác ở các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp quân đội;

Người được giới thiệu để cử làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự phải đạt trên 50% số phiếu tín nhiệm so với tổng số người có mặt tham gia bỏ phiếu thì mới lập danh sách đề nghị. Nếu không đạt trên 50% số phiếu tín nhiệm thì chỉ huy cơ quan, đơn vị đề xuất, thống nhất với Chánh án Tòa án quân sự lựa chọn nhân sự mới và thực hiện lấy phiếu tín nhiệm;

c) Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu phối hợp cùng cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương

thống nhất lập danh sách nhân sự đề cử làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu để báo cáo cơ quan chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương xét và giới thiệu, đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quyết định;

Hồ sơ đề nghị cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu kèm công văn đề nghị của cơ quan chính trị các tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương được gửi về Tòa án quân sự trung ương để tổng hợp trước khi trình Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quyết định;

d) Căn cứ đề nghị của cơ quan chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương, Tòa án quân sự trung ương thống nhất với Cục Cán bộ tổng hợp danh sách để Cục trưởng Cục Cán bộ trình Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị xét, ra quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu;

Quyết định cử Hội thẩm quân nhân của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị được gửi cho cơ quan chính trị các tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đã đề nghị cử người làm Hội thẩm quân nhân, Tòa án quân sự trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan. Cơ quan chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương có trách nhiệm thông báo cho Tòa án quân sự cấp quân khu, cấp uỷ, người chỉ huy cơ quan, đơn vị nơi người được cử làm Hội thẩm quân nhân công tác và người được cử về quyết định của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để thuận tiện liên hệ công tác, quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ và thực hiện nhiệm vụ.

3. Trình tự cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực được tiến hành theo các bước:

a) Sáu tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ Hội thẩm quân nhân, Chánh án Tòa án quân sự khu vực căn cứ số lượng Hội thẩm quân nhân được cử, xác định cơ cấu cụ thể, trao đổi thống nhất với lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn lựa chọn và giới thiệu nhân sự để lấy phiếu tín nhiệm;

b) Thực hiện lấy phiếu tín nhiệm theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Chánh án Tòa án quân sự khu vực phối hợp với cơ quan chính trị sư đoàn, lữ đoàn hoặc cấp tương đương thống nhất lập danh sách nhân sự đề cử làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực để cơ quan chính trị sư đoàn, lữ đoàn hoặc cấp tương đương báo cáo Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương xét, giới thiệu và đề nghị Chính ủy tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương quyết định;

Hồ sơ đề nghị cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực kèm công văn đề nghị của cơ quan chính trị sư đoàn, lữ đoàn hoặc cấp tương đương gửi về Tòa án quân sự cấp quân khu để tổng hợp trước khi báo cáo Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương;

d) Căn cứ đề nghị của cơ quan chính trị sư đoàn, lữ đoàn hoặc cấp tương đương, Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu thống nhất với cơ quan cán bộ,

quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương tổng hợp danh sách để Trưởng phòng Cán bộ báo cáo Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương xét, giới thiệu và đề nghị Chính ủy tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương xét, ra quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực;

Quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực được gửi cho các Tòa án quân sự liên quan, cơ quan chính trị sư đoàn, lữ đoàn hoặc cấp tương đương nơi đã đề nghị cử người làm Hội thẩm quân nhân và người được cử làm Hội thẩm quân nhân. Cơ quan chính trị sư đoàn, lữ đoàn hoặc cấp tương đương có trách nhiệm thông báo cho cấp uỷ, người chỉ huy đơn vị trực tiếp quản lý Hội thẩm quân nhân để thuận tiện liên hệ công tác, quản lý, bồi dưỡng nghiệp vụ và thực hiện nhiệm vụ.

Điều 9. Hồ sơ và các mẫu biểu cử Hội thẩm quân nhân

1. Hồ sơ đề nghị cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu, gồm:

a) Bản tóm tắt lý lịch có dán ảnh và nhận xét của chỉ huy đơn vị quản lý;

b) Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm tại cơ quan, đơn vị công tác của người được giới thiệu;

c) Văn bản đề nghị của cơ quan chính trị giới thiệu người đề cử làm Hội thẩm quân nhân;

d) Tờ trình của Cục trưởng Cục Cán bộ đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu;

đ) 02 (hai) ảnh để làm giấy chứng minh Hội thẩm quân nhân có kích cỡ 02 cm x 03 cm, phông nền trắng, mặc quân phục theo mùa, không đeo kính, không đội mũ, ảnh chụp trong 06 tháng gần nhất, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở mặt sau của ảnh.

2. Hồ sơ đề nghị cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực, gồm:

a) Các văn bản quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này;

b) Tờ trình của Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đề nghị Chính ủy tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực.

3. Các mẫu biểu sử dụng trong quy trình đề nghị và cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự theo phụ lục kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Công văn gửi Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đề nghị cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu (Mẫu số 1);

b) Công văn gửi Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đề nghị cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực (Mẫu số 2);

c) Danh sách đề nghị cử Hội thẩm quân nhân (Mẫu số 3);

d) Quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu (Mẫu số 4);

đ) Quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực (Mẫu số 5).

Điều 10. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân

1. Hội thẩm quân nhân trong thời gian công tác nếu vì lý do sức khỏe, theo nguyện vọng cá nhân hoặc lý do chính đáng khác có thể được miễn nhiệm. Trong trường hợp có căn cứ để miễn nhiệm Hội thẩm quân nhân, Chánh án Tòa án quân sự đang quản lý Hội thẩm quân nhân trao đổi, thống nhất với cơ quan chính trị nơi đã giới thiệu cử Hội thẩm quân nhân và đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hoặc Chính ủy tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đã cử Hội thẩm quân nhân đó ra quyết định miễn nhiệm.

Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm Hội thẩm quân nhân, gồm:

a) Đơn xin miễn nhiệm Hội thẩm quân nhân (trường hợp Hội thẩm quân nhân chủ động xin miễn nhiệm) nêu cụ thể lý do xin miễn nhiệm;

b) Tài liệu xác định căn cứ để miễn nhiệm (tài liệu, văn bản của cơ quan y tế có thẩm quyền, quyết định điều động, chuyển ngành);

c) Ý kiến bằng văn bản của Chánh án Tòa án quân sự quản lý Hội thẩm quân nhân, trong đó nêu rõ kết quả trao đổi với cơ quan chính trị đã giới thiệu cử Hội thẩm quân nhân;

d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chính trị nơi đã giới thiệu cử Hội thẩm quân nhân (nếu có);

đ) Trong trường hợp miễn nhiệm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu thì Tòa án quân sự trung ương phối hợp cùng Cục Cán bộ tổng hợp hồ sơ để Cục trưởng Cục Cán bộ đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quyết định.

2. Hội thẩm quân nhân trong thời gian công tác nếu có vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật không còn xứng đáng, không đủ tiêu chuẩn làm Hội thẩm quân nhân thì bị bãi nhiệm. Trong trường hợp có căn cứ để bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân, Chánh án Tòa án quân sự đang quản lý Hội thẩm quân nhân trao đổi, thống nhất với cơ quan chính trị nơi đã giới thiệu cử Hội thẩm quân nhân và đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị hoặc Chính ủy tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đã cử Hội thẩm quân nhân đó ra quyết định bãi nhiệm.

Hồ sơ đề nghị bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân, gồm:

a) Các tài liệu chứng minh Hội thẩm quân nhân vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật; kết luận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về vi phạm;

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chính trị nơi đã giới thiệu cử Hội thẩm quân nhân (nếu có);

c) Ý kiến bằng văn bản của Chánh án Tòa án quân sự quản lý Hội thẩm quân nhân;

d) Trong trường hợp bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu thì Tòa án quân sự trung ương phối hợp cùng Cục Cán bộ tổng hợp hồ sơ để Cục trưởng Cục Cán bộ đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị quyết định.

3. Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân được gửi cho đơn vị giới thiệu Hội thẩm quân nhân, Tòa án quân sự nơi quản lý Hội thẩm quân nhân, Đoàn Hội thẩm quân nhân và cá nhân Hội thẩm quân nhân.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 11. Hoạt động của Hội thẩm quân nhân trước khi mở phiên tòa

1. Khi được Chánh án Tòa án quân sự phân công thực hiện nhiệm vụ xét xử, trong thời hạn 10 ngày trước khi mở phiên tòa, Hội thẩm quân nhân phải đến trụ sở Tòa án quân sự để nghiên cứu hồ sơ vụ án và trao đổi các vấn đề cần thiết về nghiệp vụ xét xử đối với vụ án đó với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, chuẩn bị chu đáo mọi mặt để xét xử vụ án.

2. Trong trường hợp có lý do chính đáng để từ chối việc tham gia xét xử thì Hội thẩm quân nhân phải báo cáo ngay bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối xét xử cho Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân và Chánh án Tòa án quân sự đã phân công xét xử vụ án để xem xét, phân công Hội thẩm quân nhân khác tham gia xét xử vụ án.

Điều 12. Hoạt động của Hội thẩm quân nhân tại phiên tòa và sau khi kết thúc phiên tòa

1. Tại phiên tòa, Hội thẩm quân nhân thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật tố tụng và sự phân công của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa; chủ động phối hợp với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa điều hành phiên tòa và giải quyết các vấn đề phát sinh tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi kết thúc phiên tòa, cùng các thành viên Hội đồng xét xử tham gia rút kinh nghiệm việc xét xử vụ án và làm các công tác hành chính liên quan. Hội thẩm quân nhân có quyền đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản với Chánh án Tòa án quân sự trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của Hội thẩm quân nhân và chất lượng công tác xét xử của Tòa án.

Chương V
ĐOÀN HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân

Tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm quân nhân được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15.

Điều 14. Thủ tục cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Khi có quyết định cử Hội thẩm quân nhân nhiệm kỳ mới hoặc khi khuyết Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân thì Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án quân sự khu vực chủ trì, phối hợp

cùng cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương trao đổi, thống nhất lập danh sách nhân sự đề nghị cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân để báo cáo, đề nghị Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương xét, quyết định.

2. Hồ sơ đề nghị cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân, gồm:

a) Bản tóm tắt lý lịch có dán ảnh và nhận xét của chỉ huy đơn vị quản lý;

b) Công văn của Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực đề nghị Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân;

c) Danh sách đề nghị cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (do Tòa án quân sự nơi Đoàn Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ xét xử lập).

3. Các mẫu biểu sử dụng trong đề nghị cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân theo phụ lục kèm Thông tư này, gồm:

a) Công văn của Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực đề nghị Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (Mẫu số 6);

b) Danh sách đề nghị cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (Mẫu số 7);

c) Quyết định cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (Mẫu số 8).

Điều 15. Thủ tục miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Trong trường hợp có căn cứ để miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (vì lý do sức khỏe, theo nguyện vọng cá nhân hoặc vì lý do chính đáng khác) thì Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án quân sự khu vực trao đổi, thống nhất với cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đề nghị Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự ra quyết định miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

2. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân, gồm:

a) Đơn xin miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (trường hợp Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân chủ động xin miễn nhiệm) nêu cụ thể lý do xin miễn nhiệm;

b) Tài liệu xác định căn cứ để miễn nhiệm (tài liệu, văn bản của cơ quan y tế có thẩm quyền, quyết định điều động, chuyển ngành);

c) Văn bản của Chánh án Tòa án quân sự quản lý Hội thẩm quân nhân, trong đó nêu rõ kết quả trao đổi với cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương;

d) Văn bản của cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương (nếu có).

3. Quyết định miễn nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân được gửi cho đơn vị giới thiệu Hội thẩm quân nhân, Tòa án quân sự nơi quản lý Hội thẩm quân nhân, Đoàn Hội thẩm quân nhân và cá nhân Hội thẩm quân nhân.

4. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân đương nhiên được miễn nhiệm khi được miễn nhiệm Hội thẩm quân nhân.

Điều 16. Thủ tục bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân

1. Trong trường hợp có căn cứ để bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân (khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, kỷ luật) thì Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu, Chánh án Tòa án quân sự khu vực trao đổi, thống nhất với cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương đề nghị Chủ nhiệm Chính trị tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương nơi có Tòa án quân sự ra quyết định bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

2. Hồ sơ đề nghị bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân, gồm:

a) Các tài liệu chứng minh Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc vi phạm pháp luật, kỷ luật; kết luận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan cán bộ, quân lực tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn hoặc cấp tương đương;

c) Văn bản của Chánh án Tòa án quân sự nơi quản lý Hội thẩm quân nhân.

3. Quyết định bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân được gửi cho đơn vị giới thiệu Hội thẩm quân nhân, Tòa án quân sự nơi quản lý Hội thẩm quân nhân, Đoàn Hội thẩm quân nhân và cá nhân Hội thẩm quân nhân.

4. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân đương nhiên bị bãi nhiệm khi bị bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân. Hội thẩm quân nhân đương nhiên bị bãi nhiệm khi bị bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 17. Trách nhiệm của Tòa án quân sự

1. Trách nhiệm của Tòa án quân sự cấp quân khu và Tòa án quân sự khu vực:

a) Thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 99/2025/UBTVQH15;

b) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chính trị có thẩm quyền trong việc chuẩn bị nhân sự để cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; tổ chức quản lý, phân công nhiệm vụ xét xử đối với Hội thẩm quân nhân trong thời gian làm nhiệm vụ xét xử;

c) Thông báo cho Đoàn Hội thẩm quân nhân, cơ quan, đơn vị nơi Hội thẩm quân nhân công tác về việc phân công Hội thẩm quân nhân tham gia xét xử, thời gian, địa điểm làm việc của Hội thẩm quân nhân; xem xét, giải quyết các kiến nghị của Đoàn Hội thẩm quân nhân và kiến nghị của Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân về việc phân công Hội thẩm quân nhân tham gia xét xử;

d) Giữ mối liên hệ với Đoàn Hội thẩm quân nhân; chủ trì, phối hợp với Đoàn Hội thẩm quân nhân, cơ quan chính trị có thẩm quyền tổ chức việc tổng kết công tác Hội thẩm quân nhân. Khi cần thiết, Chánh án Tòa án quân sự phối hợp với Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân triệu tập họp Đoàn Hội thẩm quân nhân đột xuất;

đ) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm quân nhân;

e) Khi nhận được thông báo bằng văn bản của đơn vị nơi Hội thẩm quân nhân công tác về việc giải thể, sáp nhập, chuyển vị trí đóng quân của đơn vị ra khỏi địa bàn xét xử hay Hội thẩm quân nhân chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài địa bàn xét xử hoặc không đủ điều kiện tiếp tục làm Hội thẩm quân nhân thì Chánh án Tòa án quân sự căn cứ vào số lượng, khả năng tham gia xét xử của các Hội thẩm quân nhân còn lại và tình hình hoạt động cụ thể của Tòa án, nếu cần thiết thì đề nghị cử bổ sung Hội thẩm quân nhân;

g) Phối hợp với cơ quan chính trị có thẩm quyền thực hiện công tác khen thưởng, xử lý vi phạm và kiểm tra kết quả công tác đối với Hội thẩm quân nhân theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng. Các quyết định hoặc văn bản đề nghị về việc khen thưởng, xử lý vi phạm và các kết luận về kiểm tra kết quả công tác đối với Hội thẩm quân nhân được gửi cho Đoàn Hội thẩm quân nhân và cơ quan chính trị có thẩm quyền để phối hợp, quản lý Hội thẩm quân nhân;

h) Tổng hợp, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác Hội thẩm quân nhân lên Tòa án quân sự cấp trên.

2. Trách nhiệm của Tòa án quân sự trung ương:

a) Tổng hợp hồ sơ đề nghị cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu, trình Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị theo quy định;

b) Hằng năm, Tòa án quân sự trung ương có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Đoàn Hội thẩm quân nhân và phụ cấp hoạt động của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân trong tổng dự toán kinh phí hoạt động của Tòa án quân sự các cấp, đề nghị Bộ Quốc phòng trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kinh phí được giao, Tòa án quân sự trung ương phân bổ kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các Đoàn Hội thẩm quân nhân;

c) Tổng hợp, báo cáo công tác Hội thẩm quân nhân theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phân công, sắp xếp công việc phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. Khi cơ quan, đơn vị nơi Hội thẩm quân nhân công tác giải thể, sáp nhập, chuyển vị trí đóng quân của đơn vị ra khỏi địa bàn xét xử hay Hội thẩm quân nhân chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài địa bàn xét xử hoặc không đủ điều kiện tiếp tục làm Hội thẩm quân nhân thì lãnh đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị phải thông báo ngay bằng văn bản cho Tòa án quân sự nơi quản lý Hội thẩm quân nhân đó biết.

3. Người chỉ huy các cấp phối hợp chặt chẽ với các Tòa án quân sự trong quản lý, giám sát hoạt động của Hội thẩm quân nhân.

Điều 19. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội thẩm quân nhân

1. Tòa án quân sự quản lý Hội thẩm quân nhân có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị nơi Hội thẩm quân nhân công tác để giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác xét xử của Hội thẩm quân nhân theo quy định của pháp luật.

2. Kết quả xác minh, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội thẩm quân nhân phải được Tòa án quân sự gửi cho Đoàn Hội thẩm quân nhân và cơ quan chính trị có thẩm quyền để theo dõi, giám sát và phối hợp quản lý Hội thẩm quân nhân.

3. Trường hợp kết quả xác minh, kết luận cho thấy khiếu nại, tố cáo là sai sự thật hoặc mang tính vu khống đối với Hội thẩm quân nhân thì Tòa án quân sự phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan để thông báo đính chính, đảm bảo uy tín cho Hội thẩm quân nhân và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý vi phạm đối với Hội thẩm quân nhân

1. Hội thẩm quân nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; nếu có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật thì tuỳ theo tính

chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bãi nhiệm hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Hội thẩm quân nhân từ chối tham gia xét xử mà không có lý do chính đáng thì Chánh án Tòa án quân sự nơi quản lý Hội thẩm quân nhân đề nghị cơ quan, đơn vị nơi Hội thẩm quân nhân công tác xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2026.

2. Thông tư số 92/2011/TT-BQP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng qua Tòa án quân sự trung ương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Lãnh đạo BQP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử BQP;
- Công báo Chính phủ;
- Tòa án quân sự trung ương;
- Viện kiểm sát quân sự trung ương;
- Cục Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, TCCB. Q86.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Phụ lục

MẪU BIỂU ĐỀ NGHỊ CỬ HỘI THẨM QUÂN NHÂN, TRƯỞNG ĐOÀN VÀ PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN HỘI THẨM QUÂN NHÂN TÒA ÁN QUÂN SỰ

(Kèm theo Thông tư số 178/2026/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

1. Mẫu số 1: Công văn đề nghị xét, quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu.

2. Mẫu số 2: Công văn đề nghị xét, quyết định cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực.

3. Mẫu số 3: Danh sách đề nghị cử Hội thẩm quân nhân.

4. Mẫu số 4: Quyết định về việc cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu.

5. Mẫu số 5: Quyết định về việc cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực.

6. Mẫu số 6: Công văn đề nghị xét, quyết định cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp quân khu/khu vực.

7. Mẫu số 7: Danh sách đề nghị cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân.

8. Mẫu số 8: Quyết định về việc cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân./.

Mẫu số 1

.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày..... tháng ..... năm .....*
V/v cử Hội thẩm quân nhân	

Kính gửi: Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số ..../2026/TT-BQP ngày ....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự .....*(cấp quân khu).*

Chính ủy .....*(quân khu hoặc cấp tương đương)* xin giới thiệu và đề nghị Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị xét, quyết định cử .....đồng chí sau đây *(có danh sách kèm theo)* làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự *(cấp quân khu)*..... nhiệm kỳ ...../.

CHÍNH ỦY

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: .....

(Ký, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Mẫu số 2

SƯ ĐOÀN/LỮ ĐOÀN
(hoặc cấp tương đương)
PHÒNG CHÍNH TRỊ

Số: .....
V/v cử Hội thẩm quân nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng ..... năm .....

Kính gửi: Chủ nhiệm Chính trị Quân khu .....*(hoặc cấp tương đương).*

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số ..../2026/TT-BQP ngày ....tháng..... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự Khu vực .....

Chủ nhiệm Chính trị Sư đoàn/Lữ đoàn .....*(hoặc cấp tương đương)* xin giới thiệu và đề nghị Chủ nhiệm Chính trị Quân khu .....*(hoặc cấp tương đương)* xét và đề nghị Chính ủy Quân khu ..... .*(hoặc cấp tương đương)* quyết định cử .....đồng chí sau đây *(có danh sách kèm theo)* làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự Khu vực ..... nhiệm kỳ ...../.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: .....

CHỦ NHIỆM CHÍNH TRỊ

(Ký, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Mẫu số 3

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CỬ HỘI THẨM QUÂN NHÂN
TÒA ÁN QUÂN SỰ .....
Nhiệm kỳ .....

(Kèm theo Công văn số .....ngày.....tháng.....năm..... của Cơ quan chính trị)

TT	Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo	Cấp bậc (tháng, năm) SHSQ	Chức vụ, (tháng, năm) Đơn vị	Nhập ngũ, vào biên chế (tháng, năm)	Vào đảng chính thức	Thành phần		Qua trường (tên trường, thời gian học)	Văn hóa, ngoại ngữ	Ghi chú
						Xuất thân	Bản thân			
01										
02										
...										

Mẫu số 4

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CT

Hà Nội, ngày ..... tháng..... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự quân khu, Quân chủng Hải quân, Thủ đô Hà Nội nhiệm kỳ .....

CHỦ NHIỆM TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số ..../2026/TT-BQP ngày ....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Chính ủy các đơn vị, Chánh án Tòa án quân sự trung ương và Cục trưởng Cục Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử ..... đồng chí có tên dưới đây làm Hội thẩm quân nhân các Tòa án quân sự quân khu, Quân chủng Hải quân, Thủ đô Hà Nội nhiệm kỳ .....:

1. Tòa án quân sự Quân khu .....: ..... đồng chí

1.1. Cấp bậc, họ tên, số hiệu sĩ quan
Chức vụ, đơn vị

1.2. .....

2. Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân:..... đồng chí

2.1. Cấp bậc, họ tên, số hiệu sĩ quan
Chức vụ, đơn vị

2.2. .....

3. Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội:..... đồng chí

3.1. Cấp bậc, họ tên, số hiệu sĩ quan
Chức vụ, đơn vị

3.2. .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BTTM, Quân chủng Hải quân;
- Các QK: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9;
- Tòa án QSTW, Cục Cán bộ;
- Lưu: .....

CHỦ NHIỆM

(Ký, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Mẫu số 5

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-...	*....., ngày .... tháng .....năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực Nhiệm kỳ .....

CHÍNH ỦY .....

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số ..../2026/TT-BQP ngày ....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Chính trị Quân khu.....(cấp tương đương) và Chánh án Tòa án quân sự .....(cấp quân khu).

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Cử ..... đồng chí có tên dưới đây làm Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự Khu vực .....nhiệm kỳ .....:

1. Cấp bậc, họ tên, số hiệu sĩ quan
Chức vụ, đơn vị

2. .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ..... ;
- Lưu: .....

CHÍNH ỦY

(Ký, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Mẫu số 6

TÒA ÁN QUÂN SỰ ***(Cấp quân khu/khu vực)***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …….. V/v cử Hội thẩm quân nhân	*……, ngày…… tháng …… năm ……*

Kính gửi: Chủ nhiệm Chính trị……*(cấp quân khu).*

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số …./2026/TT-BQP ngày ….tháng…..năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Sau khi trao đổi và thống nhất với ……*(cơ quan cán bộ/quân lực cấp quân khu).*

Chánh án Tòa án quân sự …….. *(cấp quân khu/khu vực)* xin giới thiệu và đề nghị Chủ nhiệm Chính trị ……..*(cấp quân khu)* xét, quyết định cử……đồng chí sau đây *(có danh sách kèm theo)* làm …….....(*Trưởng đoàn/Phó Trưởng đoàn)* Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự …….. *(cấp quân khu/khu vực)* nhiệm kỳ ……./.

CHÁNH ÁN

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ……

(Ký, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên

Mẫu số 7

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CỬ TRƯỞNG ĐOÀN, PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN HỘI THẨM QUÂN NHÂN
TÒA ÁN QUÂN SỰ .....
Nhiệm kỳ .....

(Kèm theo Công văn số: .....ngày.....tháng.....năm..... của Tòa án quân sự.....)

TT	Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, dân tộc, tôn giáo	Cấp bậc (*tháng, năm*) SHSQ	Chức vụ, (*tháng, năm*) Đơn vị	Nhập ngũ, vào biên chế (*tháng, năm*)	Vào đảng chính thức	Thành phần		Qua trường (*tên trường, thời gian học*)	Văn hóa, ngoại ngữ	Ghi chú
						Xuất thân	Bản thân			
01										
02										
...										

Mẫu số 8

.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CỤC CHÍNH TRỊ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-CT	*....., ngày .... tháng .....năm .....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự .....
Nhiệm kỳ .....

CHỦ NHIỆM CHÍNH TRỊ .....

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số ..../2026/TT-BQP ngày ....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết và hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Hội thẩm quân nhân và Đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử 02 đồng chí có tên dưới đây làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự.....nhiệm kỳ .....:

1. Trưởng đoàn:
Cấp bậc, họ tên, số hiệu sĩ quan.....
Chức vụ, đơn vị.....

2. Phó Trưởng đoàn:
Cấp bậc, họ tên, số hiệu sĩ quan.....
Chức vụ, đơn vị.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .....

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ..... ;
- Lưu: .....

CHỦ NHIỆM

(Ký, đóng dấu)

Cấp bậc, họ và tên